

**Bản án số: 63/2020/HS-ST
Ngày 13/5/2020**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quynh

Các hội thẩm nhân dân: Ông: Trần Ngọc Chiến và bà Lê Thị Thanh Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Huệ - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 67/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXXST-HS ngày 29/4/2020, đối với 02 bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Anh Đ; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 01/6/19xx, tại thành phố L, tỉnh N; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ xx, khu x, phường K1, thành phố L, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Trí T1 và bà: Đỗ Thùy N1; Vợ: Bùi Thị Ánh N1, có 02 con: lớn sinh năm 20xx, con nhỏ sinh năm 20xx; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 19/9/1991, bị Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 14 năm tù về tội “Phá hủy trình phương tiện quan trọng về an ninh Quốc gia”; Ngày 31/8/2000 chấp hành xong bản án. Bị cáo đầu thú ngày 01/01/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh N – Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Xuân H1; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 04/8/1988, tại thành phố P, tỉnh N; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ x, khu xxx, phường H4, thành phố P, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Xuân H3 và bà: Nguyễn Thị H2; Vợ: Nguyễn Thị T3 (đã ly hôn) và 01 con: sinh năm 20xx; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang ngày 31/12/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh N – Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Bùi Thị Ánh N1, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Tổ xx, khu x, phường K1, thành phố L, tỉnh N - Có mặt tại phiên tòa.

- Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Tổ x, khu xx, phường H4, thành phố P, tỉnh N – Vắng mặt tại phiên tòa.

* *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn H3 – Vắng mặt tại phiên tòa.

* *Người chứng kiến:* Anh Đào Quang K, anh Phạm Văn T2 – Điều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 15 phút ngày 31/12/2019, tại khu vực đường dân sinh thuộc tổ 1, khu 10A, phường H4, thành phố P, công an thành phố Cẩm Phả kiểm tra phát hiện Nguyễn Xuân H1 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ trên tay trái của H1 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, ngoài ra còn thu giữ của H1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, 01 điện thoại Nokia màu vàng, số tiền 310.000 đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC, màu trắng đen, BKS 1xU1 – 1x6.xx. Công an thành phố P tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, đồ vật của Nguyễn Xuân H1 tại tổ x, khu xxx, phường H4, thành phố P đã thu giữ 01 ví giả da màu nâu bên trong có 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV mang tên của H1.

Quá trình điều tra, Nguyễn Xuân H1 khai nhận: Nguồn gốc số ma túy công an thu giữ của H1 là do tối ngày 30/12/2019 và ngày 31/12/2019 Lê Anh Đ (Bạn quen biết và đã từng cùng nhau sử dụng ma túy) gọi điện thoại nhờ H1 mua hộ mang về thành phố L để bán kiếm lời, Đ đã 02 lần chuyển tổng số tiền 3.000.000 đồng cho H1, khi nhận được tiền H1 đã điện thoại cho D (là bạn xã hội) hỏi mua 3.000.000 đồng ma túy đá, D đồng ý bán và hẹn H1 đến cổng chung cư Cẩm Bình, thành phố P để giao dịch mua bán ma túy. Sau khi mua được 01 túi ma túy đá H1 cầm về nhà với mục đích sẽ lại một ít để sử dụng rồi đi đến chỗ hẹn với Đ (tại cổng trường Tiểu học Suối khoáng, phường H4) để giao ma túy cho Đ, trên đường về đến gần nhà thì bị công an thành phố P bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Ngày 01/01/2020 Lê Anh Đ đã đến cơ quan Công an thành phố Cẩm Phả để đầu thú, Đ đã giao nộp 01 điện thoại di động Nokia màu đen – xám, số tiền 50.000 đồng và có lời khai phù hợp với lời khai của Nguyễn Xuân H1.

Tại bản kết luận giám định số 16/GĐMT ngày 06/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận: Chất tinh thể màu trắng thu giữ của Nguyễn Xuân H1 là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng là 3,243 gam. Cơ quan cảnh sát điều tra còn lấy mẫu nước tiểu của hai bị cáo đi giám định. Tại bản kết luận giám

định số 17/GĐMT ngày 06/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận: Trong mẫu nước tiểu ghi thu của Nguyễn Xuân H1, Lê Anh Đ gửi giám định có ma túy; Loại: Methamphetamine.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Xuân H1 khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án đã nêu, bị cáo thừa nhận quen với bị cáo Đ từ đầu năm 2018 cho đến nay. Khoảng 14 giờ ngày 30/12/2019, bị cáo Đ đã gọi điện cho bị cáo nhờ mua hộ 1.100.000 đồng ma túy đá để Đ sử dụng, sau khi nhận tiền của Đ tại quán nước chè đầu đường đi vào chợ Km10, phường H4 bị cáo đã gọi cho T6 (nhà ở khu vực Kmx, phường H4) để hỏi mua ma túy, T6 hẹn bị cáo đến gần cầu Trắng, Km7, phường H4 để giao dịch mua ma túy. Sau khi mua được ma túy của T6 bị cáo mang về đến ngã ba đường tránh, phường H4 đưa cho Đ, rồi bị cáo đi về nhà. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày Đ tiếp tục gọi cho bị cáo để nhờ mua 1.500.000 đồng ma túy đá, Đ đã chuyển khoản số tiền này vào tài khoản ngân hàng BIDV của bị cáo nhưng chưa mua được ma túy cho Đ, khoảng 20 giờ ngày 30/12/2019 Đ gọi điện lại để hỏi bị cáo đã thông báo chưa mua được ma túy thì Đ nói để Đ gửi thêm 1.500.000 đồng nhờ mua 3 triệu đồng ma túy đá cho Đ bán kiếm lời. Đến khoảng 15 giờ ngày 31/12/2019 bị cáo tiếp tục nhận được 1.500.000 đồng do Đ chuyển khoản đến, bị cáo đã liên lạc với D là bạn mới quen ngoài xã hội để hỏi mua 3 triệu đồng ma túy đá cho Đ. Sau khi mua được ma túy của D bị cáo định mang về nhà sẽ lại một ít để sử dụng số còn lại mới giao cho Đ, trên đường về đến gần nhà thì bị công an bắt giữ đúng như nội dung vụ án đã nêu. Công an đã thu của bị cáo: 01 túi ma túy đá, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung bị cáo dùng để liên lạc mua bán ma túy với Đ, D, T6; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia bị cáo dùng để lạc với gia đình; Số tiền 310.000 đồng là tiền riêng của bị cáo; Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC bị cáo mượn của mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị H2, bà Hà không biết việc bị cáo sử dụng để đi mua ma túy hộ Đ. Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố đối với bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không bị oan. Hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Anh Đ khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án đã nêu và đúng như bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo thừa nhận đã 02 lần đặt vấn đề nhờ bị cáo H1 mua ma túy, một lần vào ngày 30/12/2019 đã nhờ H1 mua 1.100.000 đồng ma túy đá về bị cáo đã sử dụng hết. Đến chiều ngày 30/12/2019 bị cáo nảy sinh ý định mua ma túy đá về để bán kiếm lời nên đã gọi điện thoại đặt vấn đề với H1, khi H1 đồng ý mua hộ thì bị cáo đã chuyển vào tài khoản của bị cáo H1 số tiền 1.500.000 đồng. Đến tối cùng ngày H1 báo lại chưa mua được ma túy thì bị cáo bảo với H1 để bị cáo chuyển thêm số tiền 1.500.000

đồng để H1 mua hộ 3.000.000 đồng tiền mua ma túy đá. H1 đồng ý nên bị cáo tiếp tục đến quán điện thoại của anh H3 (gần cổng chợ K, thành phố L) nhờ chuyển số tiền 1.500.000 đồng vào tài khoản cho H1. Do không đủ tiền nên bị cáo chỉ đưa cho anh H3 số tiền 500.000 đồng và cầm cố chiếc điện thoại di động Iphone màu đen – xám, lắp sim số 038957.713 cho H3 với giá 1.000.000 đồng để lấy tiền chuyển cho H1. Đến khoảng 21 giờ ngày 31/12/2019 bị cáo gọi điện thoại cho H1 hỏi mua ma túy được chưa thì H1 hẹn đến trường Tiểu học K3 phường H4 để lấy ma túy. Bị cáo đi đến chỗ hẹn nhưng không gặp được H1 nên đã đi về, đến ngày 01/01/2020 bị cáo đến công an thành phố Cẩm Phả để đầu thú và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 50.000 đồng. Cả hai chiếc điện thoại di động hiện công an đang thu giữ bị cáo đều dùng để liên lạc mua bán ma túy, số tiền 50.000 đồng là tiền do bị cáo lao động mà có. Bị cáo thừa nhận có nhân thân xấu đúng như lý lịch của bị cáo đã nêu, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố đối với bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không bị oan. Hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, có hai con đang tuổi ăn học, vợ không có việc làm ổn định, bị cáo có bố là người có công với cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H2, có lời khai tại cơ quan điều tra cụ thể như sau: Bà là mẹ của bị cáo H1, ngày 31/12/2019 bị cáo H1 mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 1xU1-1x6.xx của bà nhưng bà không biết H1 dùng để đi mua ma túy. Chiếc xe bà mua từ năm 2013 bằng tiền riêng của bà, bà đã được Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại chiếc xe nên không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị Ánh N1, có lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa như sau: Chị là vợ của bị cáo Đ, chị đã đến quán cầm đồ của anh Trần Văn H3 để chuộc lại chiếc điện thoại Iphone do chồng chị cầm cố ở đây với số tiền 1.000.000 đồng và tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại cho Cơ quan cảnh sát điều tra, chị không yêu cầu chồng chị phải hoàn trả lại số tiền chuộc chiếc điện thoại.

Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa là anh Nguyễn Văn H3 có lời khai tại cơ quan điều tra cụ thể như sau: Ngày 30 và ngày 31/12/2019 Đ đến quán cầm đồ của anh nhờ chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng BIDV của H1, mỗi lần là 1.500.000 đồng, tổng cộng hai lần là 3.000.000 đồng. Vào ngày 31/12/2019 bị cáo Đ đến nhờ chuyển tiền nhưng chỉ đưa cho anh số tiền 500.000 đồng và đã cầm cố chiếc điện thoại Iphone màu đen – xám lấy 1.000.000 đồng để đủ tiền chuyển cho H1. Anh không biết Đ chuyển tiền cho H1 để làm gì, vợ của Đ là chị N2 đã đến chuộc lại chiếc điện thoại này với giá 1.000.000 đồng.

Người chứng kiến là các anh Đào Quang K, Phạm Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện: Ngày 31/12/2019, tại khu vực thuộc tổ 1, khu 10A, phường H4, thành phố P các anh chứng kiến công an bắt quả tang Nguyễn Xuân H1 có hành vi tàng trữ 01 túi nilon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, công an đã thu giữ và niêm phong vật chứng theo đúng quy định.

Bản cáo trạng số 66/CT-VKSCP ngày 31/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố các bị cáo: Nguyễn Xuân H1, Lê Anh Đ về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo: Nguyễn Xuân H1, Lê Anh Đ, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, (đối với Lê Anh Đ áp dụng thêm khoản 2 Điều 51), Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Nguyễn Xuân H1 từ 30 (Ba mươi) đến 36 (ba sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019;

Lê Anh Đ từ 30 (Ba mươi) đến 36 (ba sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/01/2020;

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với 02 bị cáo.

Áp dụng: Điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen – xám, 01 điện thoại di động Nokia màu đen thu giữ của bị cáo Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen thu giữ của bị cáo H1, Tịch thu tiêu hủy: toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định. Trả lại cho bị cáo Đ số tiền 50.000 đồng, trả lại cho bị cáo H1 01 điện thoại di động Nokia màu vàng, 01 ví giả da màu nâu, 01 thẻ ATM và số tiền 310.000 đồng do không liên quan đến việc phạm tội.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận gì thêm, cả hai bị cáo đều ân hận với hành vi phạm tội của mình và đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Xuân H1, Lê Anh Đ không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành

vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa Nguyễn Xuân H1, Lê Anh Đ khai nhận về hành vi phạm tội đúng với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 22 giờ 30 phút ngày 31/12/2019; Biên bản tạm giữ và Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp cũng như các Bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến cùng với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 31/12/2019 bị cáo Nguyễn Xuân H1 đã có hành vi đi mua 01 túi ma túy với giá 3.000.000 đồng được 3,243 gam ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích sê lại một ít để sử dụng, số còn lại đưa cho Lê Anh Đ mang về bán kiếm lời, chưa kịp giao lại ma túy cho Đ như đã thỏa thuận thì bị công an phát hiện bắt quả tang. Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ nên chấp nhận lời luận tội của Kiểm sát viên đối với các bị cáo.

[3] Các bị cáo là người trưởng thành, nhận thức được tác hại của ma túy và tính trái pháp luật của việc mua bán trái phép chất ma túy nhưng vẫn giúp nhau mua ma túy về sử dụng và nhằm mục đích bán kiếm lời. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm Luật phòng, chống ma túy và còn là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Đây là tệ nạn xã hội gây tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân, để tăng cường biện pháp đấu tranh, phòng chống tội phạm ma túy trên địa bàn thành phố nói chung cũng như để giáo dục, trừng trị riêng đối với các bị cáo nên cần có một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả hai bị cáo không có tiền án, tiền án tiền sự nhưng bị cáo Đ có nhân thân xấu không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm mà vẫn đi vào con đường phạm tội, chứng tỏ bị cáo thiếu ý thức rèn luyện bản thân. Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, mặc dù không có sự phân công nhiệm vụ nhưng tại phiên tòa cả hai bị cáo đều thừa nhận bị cáo Đ là người chủ mưu trong việc mua bán ma túy, trực tiếp gọi điện thoại nhờ bị cáo H1 mua ma túy về nhằm mục đích để bán kiếm lời, bị cáo H1 biết nhưng không ngăn cản mà còn tiếp tay cho bị cáo Đ, 02 lần nhận tiền của Đ chuyển qua tài khoản rồi rồi trực tiếp liên hệ với đối tượng bán ma túy mua mang về nhằm mục đích sê lại một ít để sử dụng phần còn lại mới đưa cho bị cáo Đ bán kiếm lời nên sếp bị cáo Đ có vai trò cao hơn trong vụ án. Tại phiên tòa bị cáo H1 còn thừa

nhận ngày 30/12/2019 bị cáo còn giúp bị cáo Đ đi mua 1.100.000 triệu đồng tiền ma túy đá của đối tượng tên Chiến để mang về cho Đ sử dụng (Công an thành phố P đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với các bị cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy) do đó Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ là khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; Tuy bị cáo Đ có vai trò cao hơn trong vụ án nhưng bị cáo Đ có bổ là người đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì, bị cáo lại ra đầu thú tại Cơ quan điều tra nên cần xem xét áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, cho hai bị cáo mức án ngang nhau là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định lại nghiện ma túy, vì vậy cần miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan công an thu giữ của của mỗi bị cáo 02 điện thoại di động, thu giữ của bị cáo H1: 01 chiếc ví giả da bên trong có 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV, bị cáo H1 sử dụng chiếc điện thoại Samsung, bị cáo Đ sử dụng chiếc điện thoại Iphone màu xám đen và Nokia màu đen vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước; số ma túy còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy cùng với chiếc ví giả da bị cáo H1 không có nhu cầu nhận lại. Trả lại cho bị cáo H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu vàng, 310.000 đồng, 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV; Trả lại cho bị cáo Đ số tiền 50.000 đồng do không liên quan đến việc phạm tội.

Cơ quan cảnh sát điều tra còn thu giữ của bị cáo H1 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 1xU1-1x6.xx, bị cáo H1 mượn của bà H2 để đi mua ma túy, bà H2 không biết bị cáo H1 dùng vào việc phạm tội nên đã trả lại cho bà Hà. Chị Bùi Thị Ánh N1 chuộc lại cho bị cáo Đ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone với số tiền 1.000.000 đồng, chị Nghĩa không yêu cầu bị cáo Đ trả lại số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với: Đối tượng tên C “T6” là người bán ma túy cho H1 vào ngày 30/12/2019, hiện không có mặt tại địa phương. Đối tượng tên D là người đã bán ma túy cho Nguyễn Xuân H1 vào ngày 31/12/2019 nhưng do không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có cơ sở làm rõ.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Anh Đ);

Tuyên bố: Bị cáo Lê Anh Đ, Nguyễn Xuân H1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy";

Xử phạt: Lê Anh Đ 33 (ba mươi ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/01/2020;

Nguyễn Xuân H1 33 (ba mươi ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019;

Căn cứ vào: Điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen số IMEI: 359601085195669, số IMEI: 389602085195667 kèm 02 sim, thu giữ của bị cáo H1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia viền máy màu đen, lưng máy màu xám, model: 1200, số IMEI 359844/01/893475/0 kèm 01 sim và 01 pin; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen xám, model: A1633 kèm 01 sim, thu giữ của bị cáo Đ.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc ví giả da màu nâu và phong bì số: 16/GĐMT còn nguyên dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Quảng Ninh bên trong chứa mẫu vật hoàn trả sau giám định.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân H1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu vàng, model: 6300 kèm 01 sim, 01 pin; 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV số 9704180071179873 và số tiền 310.000đ (Ba trăm mười nghìn đồng); Trả lại cho bị cáo Lê Anh Đ số tiền 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng), do không liên quan đến việc phạm tội.

Tình trạng vật chứng, tài sản thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 124/BB-THA ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh N.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân H1, Lê Anh Đ mỗi bị cáo pH1 chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa

vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh QN;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh QN;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Cẩm Phả
- Công an TP Cẩm Phả, CQ THA hình sự;
- Trại tạm giam Công an tỉnh QN;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Cẩm Phả;
- Bị cáo, Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nguyễn Thị Quýnh